

Khi hay tin Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị ám sát, Cố Tổng Thống Tôn Đức Giỏi Thủ Ch của Trung Hoa Dân Quốc, đã nhận xét: Ngô Đình Diệm có trách nhiệm nặng nề trong việc vụ ám sát xảy ra này.



Trung Hoa Dân Quốc mất đi một đấng chí tâm đưu ý hạp... Tôi khâm phục ông Diệm, ông xứng đáng là một lãnh tụ lớn của Á Châu, Việt Nam có lẽ phải mất đến 100 năm nữa mới tìm được một lãnh tụ cao quý như vậy.[1]. Nhưng khi được xem tác phẩm Chính Địch Việt Nam của ông Ngô Đình Nhu[2], tôi nghĩ cần phải thêm vào lời nhận xét đó, Việt Nam có lẽ phải mất đến 100 năm hay nhiều hơn nữa mới tìm được một nhà lãnh đạo có vị trí kiên chính trư sâu sắc như ông Nhu..

Thức vật, đời sống cá nhân ngòi bút, sau hơn 30 năm giảng dạy và nghiên cứu về các vấn đề chính trị Việt Nam từ những thập kỷ đầu tiên, các vấn đề nghiên cứu, các báo tàng viết và thơ viết từ Việt Nam, Úc, Hoa Kỳ và Châu Âu. ngòi bút đã dành cho một chút cảm tình và niềm trân trọng với kiến thức chuyên môn và sức khỏe công sức sách. Tuy nhiên, với tất cả sự thận trọng của một nhà nghiên cứu lịch sử, ngòi bút phải thành thật công nhận rằng, trong tất cả những sách nghiên cứu mà ngòi bút đã có dịp đề cập trong hơn 30 năm qua vì sự thích hay vì nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu đòi buộc phải đề cập bằng Việt, Pháp và Anh ngữ, chưa có một tác phẩm nào, thơ hay những bài báo bao quát và rõ giá trị về các vấn đề chính trị thế giới trong hơn 200 năm qua, đời sống sau đó đưa ra những vấn đề kiến thức vô cùng sâu sắc để làm Kim Chi Nam Phát Triết cho Việt Nam cũng như các Quốc Gia Chăm Tiếm trên thế giới, như tác phẩm này của ông Nhu. Có lẽ phải nói đây là một đóng góp quý báu vào kho tàng tư tưởng chính trị thế giới. Và giờ đây, nếu có thể sống thêm 100 năm nữa để đề cập sách, ngòi bút nghĩ rằng không thể nào có được một tác phẩm bao quát, đáng đọc và một vấn đề kiến thức sâu sắc hơn nữa như tác phẩm quý của Chinh Đệ Việt Nam.

Vì tác phẩm nguyên bản bằng Pháp ngữ, và ngòi bút tin rằng dịch giả đã rất xuất sắc trong khi chuyển ngữ, vì bản Việt ngữ đã diễn tả một cách hết sức lưu loát những khía cạnh sâu sắc và phức tạp của các vấn đề. Tuy nhiên, những ngòi bút đã quen tiếp cận với lối hành văn của ông Nhu qua các diễn văn mà Ông đã soạn thảo cho Tổng Thống Diệm trong suốt 9 năm của nền Đệ Nhất Cộng Hòa,[3] chắc hẳn sẽ thấy rằng cách hành văn trau chuốt, chính xác, nghiêm túc, sắc bén và chặt chẽ của ông Nhu mà bản dịch không thể nào thể hiện được.

Tuy nhiên, ngòi bút muốn đề cập trước tiếp cận, một phần nào, với cách luận giải và trình bày đề cập của ông Nhu về các vấn đề chính trị Việt Nam và quốc tế, nên ngòi bút đã quy định trích nguyên văn những phần trong Chính Đệ Việt Nam liên quan đến chủ đề của bài viết này. Và ngòi bút sẽ hơn hẳn khi đã phần nào đưa ra những diễn giải và nhận xét riêng từ của mình.

Vấn đề dung tác phẩm, có lẽ phần cuối hút được sự ngưỡng mộ nhất của ngòi bút là, trước đây gần nửa thế kỷ, ông Nhu đã nhận xét Liên Xô sẽ tiếp tục làm hòa với Tây Phương và Trung Cộng sẽ thất bại trong việc sống động chế nghĩa Cộng Sản để phát triển kinh tế, cũng như Châu Âu sẽ tiếp tục hội nhập với nhau trong một khối thống nhất như Khối Liên Hiệp Châu Âu ngày nay. Những diễn văn hơn nửa thế kỷ trước, ông Nhu đã không đưa ra những luận đoán như một nhà tiên tri hay một chiêm tinh gia, trái lại, ông đã đưa ra những phán đoán của mình, sau khi đã phân tích và tổng hợp các dữ kiện lịch sử và các biến cố chính trị thế giới, một cách khoa học, khách quan và vô tư. Chính vì vậy, ngòi bút nghĩ rằng tác phẩm này sẽ có một mảnh lịch sử vô cùng hấp dẫn đối với các nhà lãnh đạo Việt Nam và các quốc gia Chăm Tiếm Á Phi, nếu họ thực sự mong muốn xây dựng và phát triển đất nước, theo một đường lối khoa học, thực tiễn và hợp lý nhất.

Ví tác phạm bao quát nhiều vấn đề liên quan đến kinh nghiệm phát triển kinh tế của Nhật Bản, Liên xô, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ.. và các trường hợp của Trung Cộng nữa. Đó là những đề tài quá lớn cho bài viết này. Do đó, người viết nghĩ rằng, vấn đề thời sự nóng bỏng nhất hiện nay là vấn đề Trung Cộng xâm chiếm lãnh thổ, lãnh hải, các hải đảo ở Hoàng Sa & Trường Sa cùng vùng Cao Nguyên Trung Phần. Chúng ta thử tìm xem, gần 50 năm trước đây, ông Nhu đã tiên đoán hiểm họa này ra sao, đã kiếm tìm lối chinh sách ngoại giao sai lầm của chúng ta như thế nào và phạm pháp sách nào phải theo đuổi để chúng ta có thể thay đổi các kiện thủ tục yên bác của mặt chính trị gia và cũng là mặt hậu cảnh nội bộ của thời đại chúng ta.

Sự Thiến Cấn Của Nhà Cộng quyên Hà Nội.

Sự xâm lăng của Trung Quốc đối với Việt Nam có tính cách trường kỳ, những những nhà lãnh đạo Hà Nội vì thiến cấn và vì quyên lợi ích hợp hòa Đệ nhị Cộng Sản và cũng có thể vì quyên lợi ích cá nhân ích kỷ của những vị lãnh đạo, đã không ý thức hiểm họa xâm lăng khi họ đã có của Trung Quốc, họ đã xem như quyên lợi ích của quốc gia, dân tộc, đã liên kết với Trung Cộng và Liên Xô, đánh mất đi các hải ngàn năm mất thu, là khai thác những mâu thuẫn giữa hai khối Tây Phương và Liên Xô sau Thế Chiến Thứ Hai, để khôi phục các lập và nhận viện trợ của hai khối để phát triển dân tộc...nhưng Đ. Trái lại, viện cam tâm làm chướng ngại cho Trung Cộng và Liên Xô đã đưa Việt Nam vào cuộc chiến tranh với Tây Phương một cách vô nghĩa và phi lý, và đã đem lại mất mát vô cùng khủng khiếp cho các dân tộc, đó là sự hủy diệt toàn bộ sinh lực của quốc gia, các vị phạm pháp diến tinh thần lớn và vật chất và sinh mạng của người Việt, trong suốt hơn 30 năm... Những còn thế hệ hiện nay, là sự nhận viện trợ đó từ Trung Cộng đã là tiền đề để các hiểm họa xâm lăng từ phạm pháp Bắc vào Việt Nam ngày nay.

Trong những năm đầu của thập niên 1960, ông Nhu đã nhìn thấu suốt để các hiểm họa xâm lăng truyền kiếp đó như sau:

Trong lịch sử bang giao, giữa chúng ta và Trung Hoa, các biến cố xảy ra đều do hai tâm lý đối chọi nhau. Từ năm 972, sau khi đã nhìn nhận được lập của Việt Nam rồi, lúc nào Trung Hoa cũng nghĩ rằng đã mất mất phần lãnh thổ quốc gia, và lúc nào cũng khai thác mọi cơ hội để đưa đến, để thâm nhập phần đất mà Trung Hoa xem như là của họ. Bên kia, Việt Nam lúc nào cũng nhận lấy mang xương máu ra để báo ơn và nhận được lập của mình. Tất cả các sự kiện, xảy ra giữa hai quốc gia, đều do sự khác nhau của hai quan niệm trên.

Ngày năm 981, nghĩa là vĩa ba năm sau khi đã nhìn nhĩn đĩc lĩp cĩa Viĩt Nam, Tĩng triũ thĩa lúc nĩi chính Viĩt Nam cĩ biĩn, vì Đĩnh Tiĩn Hoĩng vĩa mĩt, và sĩ kĩ vĩ khĩng giĩi quyĩt đĩc, gĩi sang Viĩt Nam hai đĩo quĩn, do đĩĩng thuĩ và đĩĩng bĩ, đĩ đĩt lĩi nĩn thĩng trĩ cĩa Trung Hoa.

Ý cĩ đĩnh cĩa Trung Hoa là đĩt lĩi nĩn thĩng trĩ và khĩng lúc nĩo Trung Hoa thĩa mĩn vĩi sĩ thĩn phĩc và triũ cĩng cĩa chĩng ta. Ngay nhĩng lúc mà quĩn đĩi chĩng ta hũng cĩĩng nhĩt, và chiĩn thĩng quĩn đĩi Trung Hoa, thĩ các nhĩ lĩnh đĩo cĩa Viĩt Nam cũng khĩn ngoĩn, tìm cĩch thĩa thuĩn vĩi Trung Hoa và tĩ đĩt mĩnh vĩo chĩ đĩ thuĩc quĩc. Nhĩng, đĩũ mà Trung Hoa muĩn khĩng phĩi là Viĩt Nam chĩ thĩn phĩc và triũ cĩng. Trung Hoa, suĩt gĩĩn mĩt ngĩn năm lĩ ch sĩ, lúc nĩo cũng muĩn lĩy lĩi mĩnh đĩt mà Trung Hoa coi nhĩ bĩ tĩ m mĩt.

Trong 900 năm, tĩ năm 939 đĩn năm 1840, khi Tĩy phĩĩng tĩn cĩng vĩo xĩ hĩi Đĩng Ấ làm cho nhĩng mĩu thuĩn, nĩi bĩ cĩa xĩ hĩi nĩy, tĩ m ngĩng hoĩt đĩng, Trung Hoa đĩ bĩy lĩn toĩn chiĩm lĩi nĩĩc Viĩt Nam. Hai lĩn do nhĩ Tĩng chĩ trĩĩng, ba lĩn nhĩ Nguyĩn, mĩt lĩn nhĩ Minh và mĩt lĩn nhĩ Thanh. Mĩt hĩnh đĩng liĩn tĩc nhĩ vĩy, nhĩt đĩnh cĩ nghĩa là tĩt cĩ các triũ đĩi Trung Hoa đĩũ theo đũi mĩt chĩnh sĩch, đĩt lĩi nĩn thĩng trĩ trĩn lĩnh thĩ Viĩt Nam. Chĩnh sĩch nĩy do mĩt đĩũ kiĩn đĩĩc và kinh tĩĩn đĩnh: lĩũ vĩc sĩng Hĩng Hĩ là đĩĩng thoĩt rĩ biĩn thiĩn nhiĩn cĩa các tĩnh Tĩy Nam cĩa Trung Hoa, và ngĩĩc lĩi cũng là con đĩĩng xĩm nhĩp cho các đĩo quĩn chĩnh phĩc vĩo nĩi đĩĩc Trung Hoa. Đĩ nhĩ vĩy thĩ, ngay bĩy giĩ, ý đĩnh cĩa Trung Cĩng vĩn là muĩn thĩn tĩnh, nĩũ khĩng phĩi hĩt nĩĩc Viĩt Nam, thĩ ít rĩ cũng Bĩc phĩn. Cũng chĩ vì lý do nĩy mà, năm 1883, Lý Hĩng Chĩĩng, thĩa lúc Tĩ Đĩc cĩũ viĩn đĩ chĩng Phĩp, đĩ, thay vì gĩi quĩn sang giĩp mĩt nĩĩc cũng mĩt vĩn hĩĩc đĩ chĩng ngoĩi xĩm, và thay vì cĩũ viĩn mĩt thuĩc quĩc mà Trung Hoa đĩng lý rĩ cĩ nhĩĩm vĩ bĩo vĩ, lĩi thĩĩng thuyĩt mĩt kĩ hoĩ ch chĩĩc Viĩt Nam vĩi Phĩp, Trung Hoa dĩnh cho mĩnh các phĩn đĩt gĩĩm các vũng bĩc lĩũ vĩc sĩng Hĩng Hĩ đĩ lĩy đĩĩng rĩ biĩn. Vĩ ngay Chĩnh phĩ Tĩĩng Giĩi Thĩch năm 1945, dĩnh phĩn giĩi giĩi quĩn đĩi Nhĩt Bĩn tĩ vĩ tũĩn 16 trĩ lĩn phĩĩ Bĩc[4], cũng vì lý do trĩn.

Xem thĩ đĩ biĩt rĩng, đĩi vĩi dĩn tĩc chĩng ta hĩĩ xĩm lĩng là mĩt mĩi đĩ dĩa thĩĩng xuyĩn. (tr. 166)

Do đĩ, Trung Hoa cĩa Mao Trĩch Đĩng, cũng nhĩ Trung Hoa cĩa các triũ đĩi Nguyĩn, Tĩng, Minh, Thanh là mĩt đĩ dĩa truyĩn kiĩp.

Sũng Bĩi Chĩ Nghĩa Cĩng Sĩn là mĩt Sai Lĩm Nghiĩn Trĩng

Trong khi Liên Xô và Trung Cộng xem chủ nghĩa Cộng Sản như là phương tiện tranh đấu để qui tụ các nhân dân của tiểu Á Phi vào đường mình vạch ra, chúng tôi sẽ bao vây cộng đồng Tây Phương như muốn giúp họ phát triển kinh tế của đất nước họ, thì Cộng Sản Việt Nam sùng bái chủ nghĩa Cộng Sản như là một chân lý để cải thiện xã hội và xây dựng đất nước. Chính vì sự thiêu sáng suốt của nhà cầm quyền Hà Nội đã khiến Việt Nam phải chia cắt làm 2 miền vào năm 1954, một đi về hai ngàn năm một thuở, để xây dựng đất nước và cộng đồng để chúng tôi xâm.

Ông Nhu đã luận giải nan đề đó như sau:

Nhưng chúng ta cũng còn nhớ rằng Nga Xô sẽ dĩ liên kết với các thuộc địa của Tây phương là bởi vì Nga Xô cũng có đường mình trong công cuộc chiến đấu trên thế giới và vĩ đại với Tây phương, mà mục đích trước hết và trên hết, là phát triển dân tộc Nga. Tính cách thiêng liêng giữa các đường chính sách lý tưởng cách mạng xã hội thực tiễn của họ là một tín hiệu hợp pháp qui tụ kẻ thù của Tây phương vào một mặt trận phản cộng một chiến lược tranh đấu của dân tộc Nga. Ngày nay, mục đích phát triển của Nga đã đổi. Sẽ thay thế các giá trị tiêu chuẩn chiến lược và giai đoạn của Nga Xô bằng những giá trị tiêu chuẩn, di sản của văn minh nhân loại, như chúng ta đã thấy trong một đời sống trên, là một bằng chứng hùng biện nhất, soi sáng lập trình của Nga. Trung Cộng theo cáo Nga phải bịa chủ nghĩa Các-Mác Lê-Nin vì những sự kiện trên. Trung Cộng lợi dụng thay thế Nga, nhân danh chủ nghĩa Các-Mác Lê Nin hô hào qui tụ các nhân dân kém phát triển, để phản cộng công cuộc phát triển cho dân tộc Trung Hoa. Ngày nào mục đích phát triển đã đổi, thì cuộc đường mình mới này do Trung Cộng để xuống cũng không còn hiệu lực đối với Trung Cộng, cũng như cuộc đường mình trước đây do Nga để xuống, ngày nay, không còn hiệu lực đối với Nga. Và mục đích cuối cùng của cuộc tranh đấu vẫn là mục đích dân tộc.

Nhieu nhà lãnh đạo Á Đông mà quốc gia cũng đã bỏ Đệ quốc thế giới, đã để sáng suốt để nhìn thấy thâm ý chiến lược của Nga Xô. Gandhi và Nehru, tất cả đều đường mình với Cộng Sản vì lý do trên.(tr. 201)

Chúng ta chắc có một tài liệu hay một tri thức chúng ta cần phải nhớ các nhà lãnh đạo miền Bắc hiện nay đã nhận thức các điều kiện trên. Nhưng các họ, các thế lực chính trị của miền Bắc còn đang ca tụng như là những chân lý những giá trị tiêu chuẩn chiến lược và giai đoạn mà Nga Xô đã bỏ. Như thế thì có lẽ dân tộc chúng ta còn phải bắt họ như một kích các nhà lãnh đạo miền Bắc của chúng ta tôn thờ như một chân lý, một lý thuyết mà Nga Xô và Trung Cộng chỉ dùng làm một phương tiện tranh đấu và Nga Xô bắt đầu sa thải khi mục đích phát triển đã đổi.

Như thế thì, giờ đây mà người Pháp có thể sẽ thi hành một chính sách trả thu thuế địa, như người Anh, người Việt Nam, thì các nhà lãnh đạo miền Bắc cũng chắc chắn đã đưa chúng ta ra ngoài vòng chi phối trực tiếp của hai khối để khai thác mâu thuẫn mà phát triển dân tộc.

Trong hoàn cảnh mà cuộc tranh chấp giữa Nga Xô và Tây phương chi phối những hành động chính trị của các quốc gia như, lập trường của Cộng Sản, lập thuế Trung Cộng, của các nhà lãnh đạo miền Bắc, đương nhiên gây phản ứng của Tây phương và sẽ phân chia lãnh thổ cũng không tránh khỏi.

Như vậy, theo cách của Cộng Sản của các nhà lãnh đạo miền Bắc là một điều kiện thuận lợi giúp cho người Pháp thi hành những toán tính chính trị của họ ở Việt Nam. Và lập trường của Cộng Sản lập thuế Nga Xô và Trung Cộng là một nguyên nhân của sự phân chia lãnh thổ Việt Nam, trong khung cảnh chính trị của thế giới, sau Đệ nhị chiến thế giới, do sự tranh chấp giữa Nga Xô và Tây phương chi phối.

Tóm lại nguyên nhân sâu xa của sự phân chia lãnh thổ Việt Nam ngày nay là chính sách thuế của của Pháp và lập trường của Cộng Sản lập thuế Nga Xô và Trung Cộng của các nhà lãnh đạo miền Bắc.

Trong thực tế, sự phân chia đã xảy ra khi hai quốc gia Tây phương Anh và Mỹ, đứng đầu đứng đầu cho một giới pháp chế mới sẽ bắt đầu của Pháp ở Việt Nam, nhìn nhận và bắt đầu vị trí cho quốc gia Việt Nam. Tuy nhiên, vị trí quân sự và kinh tế đều qua tay chính phủ Pháp. Và một phần lớn, đã được sự đồng trợ trực tiếp hay gián tiếp trong công cuộc tái thiết nước Pháp đã bắt đầu chiến tranh tàn phá. Thời gian qua, xét kỹ thì thời kỳ này lại là thời kỳ mà những thế lực chính trị của Pháp xưa nay mang đến nhiều kết quả như.

Bên khối Cộng Sản, Nga và Trung Cộng cũng nhìn nhận Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam và cũng bắt đầu vị trí.

Từ đây, chiến cuộc Việt Nam, biến thành một chiến trường quân sự và địa phương của cuộc tranh chấp giữa Nga Xô và Tây phương. Những mâu thuẫn giữa Nga Xô và Tây phương mà, đúng lý ra, phải được dùng để phát triển dân tộc, lại trở thành những khí giới gieo rắc sự chết cho toàn dân. Những yếu tố của một chế độ phát triển đã biến thành những khí cụ của một tai họa.

Đông thời, dĩu này vô cùng quan trọng cho chúng ta, sự chi phối của Trung Hoa, và sau lưng sự chi phối, sự đe dọa xâm lăng của Trung Hoa, mà chúng ta đã biết là vô cùng nặng nề, một cách liên tục, cho chúng ta trong hơn tám trăm năm, từ thời đình chử trong gần một thế kỷ Pháp thuộc, đã biết dĩu hoạt động trên lý do của các hình thức vi phạm và các vấn đề quân sự cho quân đội của Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam.

Chúng ta thấy rằng sự phát triển của Tàu, là một đích trước và trên hết trong mọi cuộc Đông Minh hiện nay của các nhà lãnh đạo Trung Cộng, cũng như sự phát triển của Nga là một đích trước và trên hết trong mọi cuộc Đông Minh trước đây của các nhà lãnh đạo Nga. (tr. 202-204).

Nhưng Hà Nội còn phạm những lỗi lầm nghiêm trọng hơn nữa, khi quyệt định những võ lực để thôn tính miền Nam, đã dồn tất cả việc trước tiếp động quân sự với Hoa Kỳ, khiến miền Bắc đã khánh tận và kiệt quệ trong cuộc chiến tranh chống Pháp càng lún sâu trong cảnh tàn phá hoàn toàn đổ nát và hoang tàn trong cuộc chiến tranh Mỹ, mà ngày nay, qua hành động gần như van nài của Hà Nội để xin lập lại bang giao với Hoa Kỳ vào năm 1996, ai còn chút lòng trung tri bình thường cũng thấy rằng cuộc chiến đó là hoàn toàn vô lý và xu hướng động, mà nguy hiểm hơn nữa là trở thành một dĩu kiện thuận lợi cho Trung Cộng tiếp do xâm lăng Việt Nam, vì Mỹ đã không còn hiện diện ở miền Nam, để ngăn chặn sự bành trướng của Trung Cộng.

Trong tác phẩm Chinh Đông Việt Nam, hiện tượng xâm lăng của Trung Cộng ngày nay cũng đã được báo động cách đây gần 50 năm:

Sự lệ thuộc nói trên và sự chia đôi lãnh thổ đã tạo hoàn cảnh cho sự chi phối và sự toan tính trước của nước Tàu đối với Việt Nam tái hiện đúng mãi, sau gần một thế kỷ vắng mặt. Ký ức của những thời kỳ tàn khốc của Tàu đối với chúng ta còn ghi trong mọi trang lịch sử của dân tộc và trong mọi tủ bảo của thân thể chúng ta.

Các nhà lãnh đạo miền Bắc, khi tiếp đất mình vào sự chi phối của Trung Cộng, đã dắt chúng ta trước mặt vi phạm như nô lệ kinh khủng. Hành động của họ, nếu có dĩu quả, chống những sự tiêu diệt mà họ phát triển của chúng ta, mà họ còn đe dọa đến sự tồn tại của dân tộc.

Sau dĩ, từ ngày nay, sự thống trị của Trung Quốc đối với Việt Nam chưa thành hình, là vì hoàn cảnh chính trị thế giới cho phép, và sự tồn tại của miền Nam dưới ảnh hưởng của Tây phương là một trở lực của chính trị và quân sự cho sự thống trị đó. Giả sử mà Nam Việt bị Bắc Việt thôn tính, thì sự Trung Quốc thôn tính Việt Nam chưa là một vấn đề thế gian.

Trong hoàn cảnh hiện tại, sự tồn tại của miền Nam vẫn là một bệ đỡ cho dân tộc thoát khỏi ách thống trị của Trung Quốc, vẫn là một bệ đỡ một lối thoát cho các nhà lãnh đạo Cộng Sản Bắc Việt, khi họ ý thức nguy cơ họ đang tạo cho dân tộc. Nhưng ngày nào họ vẫn tiếp tục thúc đẩy ý đồ xâm chiếm miền Nam thì họ vẫn còn chịu sự chi phối của chính sách chiến tranh xâm lăng của Trung Quốc, thay vì chính sách song chung hòa bình của Nga Sô.

Vì vậy cho nên, sự mất còn của miền Nam, ngày nay, lại trở thành một sự kiện quyết định sự mất còn trong tương lai của dân tộc. Do đó, tất cả những việc chúng ta trong giai đoạn này phải dồn vào sự bệ đỡ và đỡ lưng, và sự phát triển cho miền Nam để duy trì lối thoát cho miền Bắc và cứu dân tộc khỏi ách thống trị một lần nữa. (tr.212)

Chính Sách Ngoại Giao

Có lẽ, trong quá khứ, chúng ta quá sùng bái văn hóa Khổng Mạnh và quá lệ thuộc vào chính trị đối với các Hoàng Đế Trung Quốc, nên chúng ta đã không xây dựng được một đường lối ngoại giao khoáng đạt như Nhật Bản để có thể cứu nguy cho đất nước, khi dân tộc bị nạn ngoại xâm. Ông Nhu đã kiếm tìm sự hỗ trợ từ phía chính sách ngoại giao của các vua chúa ngày xưa qua những dòng dõi đây:

Họ xâm lăng đe dọa dân tộc chúng ta đến nay, trong suốt một ngàn năm lịch sử từ ngày lập quốc, trở thành một ám ảnh cho tất cả các nhà lãnh đạo của chúng ta. Và do đó mà lịch sử ngoại giao của chúng ta lúc nào cũng bị chi phối bởi một tâm lý thuộc quốc.

Hai ông Lý Thường Kiệt và Nguyễn Huệ tìm cách đập phá không khí lệ thuộc đó. Nhưng mục đích của những chiến công lẫy lừng và tài ngoại giao rết khéo, hai nhà lãnh đạo trở danh của dân tộc vẫn bị khuất phục trước thực tại.

Tâm lý thuộc quộc đề ngang, chúng ngang trên sòng bang giao, giữa chúng ta và Trung Hoa, lại còn lan tràn sang lĩnh vực bang giao giữa chúng ta và các nước láng giềng. Nếu, đi về Trung Hoa, chúng ta là thuộc quộc, thì đi về các nước chung quanh, chúng ta lại muôn họ là thuộc quộc. Tâm lý đó làm cho sòng bang giao, giữa chúng ta và các nước láng giềng, lúc nào cũng gay go. Đã đành rằng công cuộc Nam tiến của chúng ta, là một công trình mà dân tộc đã thực hiện được. Nhưng chúng ta còn thiêu tài liệu để cho các sử gia có thể xét đoán xem, nếu chính sách ngoại giao của chúng ta khoáng đạt hơn, thì trên những nguyên tắc phong phú hơn thì, có lẽ sẽ bành trướng của chúng ta sẽ không một chút nhụt yếu. Ví dụ, một câu hỏi mà chúng ta không thể tránh được: chúng ta là một dân tộc rất bệ bối, những sao không thu thập về tất cả chúng ta không phát triển? Nếu chính sách ngoại giao của chúng ta phong phú hơn, và không bó hẹp vào một đường lối duy nhất, có lẽ sẽ bành trướng của dân tộc chúng ta, đã sớm phát ra nhiều ngõ, và sinh lợi của chúng ta không phải chỉ dồn vào một mặt công cuộc Nam tiến. Nếu chúng ta đi vào giữa hai nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ. Về mặt chính sách ngoại giao khoáng đạt hơn, sẽ liên lạc quộc tộc của chúng ta có lẽ đã rộng rãi hơn, và do đó, vị trí của chúng ta sẽ, đương nhiên, được củng cố bằng những biện pháp đi dạo và hộ u hộ u hơn.

Những thực tế là vậy đó. Họ xâm lăng của Trung Hoa đề ngang vào đi song của dân tộc chúng ta, đến nay, tất cả các nhà lãnh đạo của chúng ta đều bám nh bám về đề của đó. Và, đi đi phó phó, họ chỉ có hai con đường, một là thối n phối Trung Hoa, hai là mở rộng bờ cõi về phía Nam.

Sớm dĩ, khi bên Tây phương tiến công, mà các nhà lãnh đạo Triều Nguyễn của chúng ta lúc bấy giờ, không có đủ khả năng quan niệm một cuộc ngoại giao rộng rãi, để khai thác mâu thuẫn giữa các cường quốc Tây phương, là vì các nhà lãnh đạo của chúng ta không lúc nào vùng vẫy, để phá nổi không khí tâm lý thuộc quộc đã đi đi đề ngang lên lịch sử ngoại giao của chúng ta. Hành động ngoại giao duy nhất lúc bấy giờ là gởi sứ bộ sang cầu cứu về Trung Hoa. Chúng ta đã bị Trung Hoa đã hàng ngang ngang thế nào lại kêu gọi của nhà Nguyễn. Nhưng Trung Hoa cũng đang bệ bối của chúng ta, nếu không có Trung Hoa để lại thối n phối mà đi đi n n thối n trối Việt Nam.

Các sứ bộ của chúng ta gởi sang Pháp lại cũng về một đích đi u đình, thối n phối về Pháp nhưng chúng ta quen đi u đình, thối n phối về Trung Hoa, chỉ không phải về một đích đương nhiên phải có của một hành động ngoại giao, là khai thác các mâu thuẫn để mở u lợi cho mình.

Vì thế cho nên, nếu chúng ta có cho rằng, công cuộc Nam tiến thành công là một kết quả của chính sách ngoại giao một chút nhụt trên đã trình bày, thì cần nhắc kết quả đó về những sự thất bại mà cũng chính sách ngoại giao đó đã mang đến cho chúng ta trong một ngàn năm lịch sử, thì có lẽ những sự thất bại ngang hơn nhiều.

Sự bành trướng của chúng ta đã thấu hiểu và chúng ta theo có một chi tiết, bởi họ nói rằng bao la đáng lý ra phải là cái của sự sống cho chúng ta.

Nhìn ngoại giao của chúng ta ở vị trí này, lúc họ nói, không thể không để họ vào chúng ta. Trong khi đó, để vì một quốc gia nhỏ lúc nào cũng bị họ xâm lăng đe dọa, thì ngoại giao là một trong các loại khí sắc bén và họ hiểu họ để họ vào để họ đi và lãnh thổ.

Trong chín trăm năm, từ ngày lập quốc, chúng ta đã bị ngoại xâm tám lần, bảy lần do Trung Hoa và một lần do Tây phương. Chúng ta đẩy lui được sáu lần, chỉ có lần thứ sáu nhà Minh đẩy lui nên thành công, trong hai mươi năm, và lần thứ tám đế quốc Pháp xâm chiếm toàn lãnh thổ và thành công chúng ta trong hơn tám mươi năm.

Vì vậy cho nên, chúng ngoại xâm là một yếu tố quan trọng trong chính trị của Việt Nam. Chính trị của chúng ta, của các triều đại Việt Nam không được quan niệm rằng nên, nên có phân biệt một quốc gia để vì sự xâm lăng của Trung Hoa thì họ hiểu chúng ta vào một chính sách chống họ ngoại giao. Do đó một số sinh lực phát triển của dân tộc, thay vì một cho chúng ta được nhiều được sống, họ để họ đi vào một cuộc chiến đấu tiêu hao cho để tranh giành đất đai thân. Một mặt khác, chính sách ngoại giao chống họ đã đưa chúng ta vào một thế cô lập cho nên lúc họ nói, các nhà lãnh đạo của chúng ta không được sống ở nơi sống gió, và họ hiểu họ nhiều họ ở tại họ cho nhiều họ.

Chính sách chống ngoại xâm.

Cái họ ngoại xâm để vì chúng ta hiểu nhiên và liên tục như vậy. Vì sao chúng ta bị pháp của chúng ta, của các nhà lãnh đạo của chúng ta trở nên đây, thành công phân biệt, trong công cuộc chống ngoại xâm Trung Hoa, chúng ta bị trong công cuộc chống ngoại xâm Tây phương?

Trước hết, các biện pháp của chúng ta đã để vào để ngoại xâm của Trung Hoa là một vấn đề liên quan đến hai quốc gia: Trung Hoa và Việt Nam. So sánh hai quốc gia Trung Hoa và Việt Nam, và như thế, được để vào phải là một đích để sống nhiên, thì chúng ta đã thất bại rồi. Nhưng sự thất bại và triều của chúng ta là chúng ta bị pháp hoãn binh. Và vấn đề chống ngoại xâm của bao giờ để các triều đại Việt Nam để thành một chính sách để sống nhiên và nguyên tắc, để vì một

những chúng ta. Vì thế cho nên, những biện pháp cần được áp dụng, những biện pháp ngoại giao, đã không hề được sử dụng khi Tây phương xâm chiếm những chúng ta.

Lý do thứ hai, là công cuộc chống ngoại xâm được chú trọng trên lĩnh vực quân sự. Nhưng, nếu chúng ta không thể phân tích cách thức và thành quả của các biện pháp quân sự trong các chiến trận chống các triều đại Trung Hoa: nhà Tống, nhà Nguyên cũng như nhà Minh, nhà Thanh, chúng ta phải nhìn nhận rằng nước quân sự của chúng ta rốt là gì và như thế nào. Và ngày nay, được lập ra, thì nước quân sự của chúng ta chắc chắn cũng rốt là gì và như thế nào.

Như vậy, để vì một mặt những chúng ta, trong một công cuộc chống ngoại xâm, biện pháp quân sự không thể làm sao được. Trên kia, chúng ta có thể chấp nhận những biện pháp ngoại giao, để trên căn bản khai thác mâu thuẫn giữa các cường quốc để bảo vệ được lập trường cho chúng ta.

Tuy nhiên biện pháp cần thức nhất, hiểu hiểu nhất và hoàn toàn thuộc về chúng ta, là nuôi dưỡng tinh thần được lập và tự do của nhân dân, và phát huy ý thức quốc gia và dân tộc. Được thức, áp dụng một chính sách cai trị khoáng đạt, mở rộng khuôn khổ lãnh đạo, để cho việc lãnh đạo quốc gia được nhuần nhuyễn và thực tiễn.

Nếu ý thức quốc gia và dân tộc được ăn sâu vào tâm não của toàn dân, và được lập và tự do được mọi người mọi nhà chú trọng, thì các cường quốc xâm lăng, dù có đánh tan được tất cả các đạo quân của chúng ta và có thể chúng ta trong các cuộc ngoại giao đi nữa, cũng không làm sao diệt được ý chí quốc gia của một dân tộc.

Nhưng ý chí quốc gia được đó được cao được, mà không những lãnh đạo thì cũng không làm gì được để vì kẻ xâm lăng. Vì vậy cho nên, được thức và vì những biện pháp quân sự chúng ta nói trên, cần phải áp dụng những biện pháp giáo dục, làm cho mọi người dân đều quen biết với việc lãnh đạo, và, điều này còn chính yếu hơn nữa, làm cho sự nghiêm túc và thực tiễn của việc lãnh đạo quốc gia càng đông bao nhiêu càng hay bấy nhiêu. Bởi vì, có như thế, những người lãnh đạo mới không bao giờ bị tiêu diệt hết được. Tiêu diệt những người lãnh đạo là mục đích đầu tiên và chính yếu của các cường quốc xâm lăng.

Nhận được chấp nhận việc chú trọng xâm lăng trên đây, lý luận đã được đưa ra chúng ta được một việc vô cùng quan trọng.

Trước tiên chúng ta nhìn thấy rằng đối với một số nhà lãnh đạo chúng ta, họ xâm lăng là một đe dọa thực sự xuyên.

Đối chúng xâm lăng, chúng ta có những biện pháp quân sự và ngoại giao. Những hạn chế các biện pháp quân sự và ngoại giao, về phương diện hiểu biết và chính sách, là nuôi dưỡng tinh thần đồng lòng và tinh thần đoàn kết của nhân dân, phát huy ý thức quốc gia và dân tộc, và mở rộng khu vực ảnh hưởng lãnh đạo, để cho vận động lãnh đạo quốc gia được nhuần nhuyễn và tiến bộ.

Số thời đã trôi qua, thì những nguyên nhân chính thức chuyên chế và đặc tài không làm sao để đi vào kinh doanh hoặc quốc gia chúng ngoại xâm được. Bởi vì bản chất của một chính thức chuyên chế và đặc tài là tiêu diệt tinh thần quốc gia và đặc tài trong tâm não của mọi người, để biến mọi người thành một đồng ý hoàn toàn không có ý chí, để đi vào khi nào đến đó, và để số đông những một khí.

Bản chất của một chính thức chuyên chế và đặc tài là gì? Đó quy định lãnh đạo quốc gia cho một người hay một số rất ít người, để cho số tiến bộ các vận động căn bản của quốc gia trở thành, trong tay họ, những lợi ích ích kỷ, để cùng nhau để lại vận động của người cầm quyền.

Hơn nữa, giới sự mà chính thức chuyên chế hay đặc tài của tiêu diệt những tinh thần quốc gia và đặc tài trong ý thức của mọi người, thì, từ đó, một chính thức chuyên chế hay đặc tài cũng là một lợi ích cho kẻ ngoại xâm. Bởi vì, để một chế độ như vậy, nhân dân bị áp bức, sẽ đâm ra oán ghét những lãnh đạo họ, và họ cũng vậy, bất cứ ai đánh đổ những người oán ghét, như là họ cũng vậy một người giới phóng, mà cơ sở đó là một kẻ xâm lăng. Lịch sử xưa nay của các quốc gia trên thế giới để xác nhận điều này: Chỉ có những dân tộc sống tinh thần đoàn kết mở rộng những ngoại xâm.

Riêng về dân tộc chúng ta, chế độ chuyên chế kháng cự của chúng ta đối với sự xâm lăng của Tây phương sẽ mạnh mẽ hơn bất kỳ chế độ nào trước đó, nhà Nguyễn, thay vì lên án tất cả những người bàn về quốc sự, đã nuôi dưỡng những tinh thần quốc gia và đặc tài của mọi người và phát huy ý thức quốc gia và dân tộc trong nhân dân.

Ngược lại, mấy lần dân tộc chúng ta những ngoại xâm, từ nhà Trần đánh đuổi Mông Cổ, đến nhà Lê đánh quân Minh và Quang Trung chiến thắng Mãn Thanh, đều nhờ các nhà lãnh đạo đã

khêu gọi để có ý chí tập do và để có lập trường của toàn dân.

Và vấn đề vô cùng quan trọng mà chúng ta đã nêu ra trên kia là vấn đề chính thể của nước Việt Nam. Vì những lý do trình bày trên đây, chính thể thích nghi cho dân tộc chúng ta, không phải để nhốt do một số nhà cầm quyền trên những lý thuyết chính trị, hay là những nguyên nhân triết lý, mà sẽ để có qui định một cách rõ ràng và hoàn chỉnh để đưa đến và lập cho xã hội của chúng ta, cùng với trình độ phát triển của dân tộc.

Nếu bây giờ chúng ta chưa có ý thức rõ ràng chính thể này phải như thế nào, thì ngay bây giờ chúng ta có thể quan niệm để có một chính thể đó không thể là một chính thể chuyên chế hay để tài để có. Đó là một thái độ rõ ràng.

Tóm lại theo ông Nhu, muốn thoát khỏi hiểm họa xâm lăng của Trung Hoa, chúng ta phải theo đuổi 3 biện pháp sau đây:

Biện pháp ngoại giao.

Việt Nam cần phải có một sách lược ngoại giao khôn khéo, biết khai thác những mâu thuẫn giữa các cường quốc, các thế lực của các liên minh khu vực như khối ASEAN, khối Liên Hiệp Âu Châu... vì ngày nay theo khuynh hướng toàn cầu hóa của thế giới, thì những hàng kinh tế của các quốc gia trên thế giới cần có một tác động quy tụ để hình thành sự sống còn để với Trung Cộng, hiện là 30 hay 40 chục năm trước đây.

Ngày nay, sự mâu thuẫn và tranh chấp giữa các cường quốc không còn gay gắt như thời chiến tranh lạnh, những một quốc gia như Trung Cộng với một dân số hơn 1.3 tỷ người, chiếm tới 19.64% dân số thế giới, đang vươn vai để đóng góp và tham vọng làm một cường quốc bá chủ Á Châu. Đó không những là một đe dọa riêng rẽ cho khu vực Á Châu Thái Bình Dương mà còn là một hiểm họa chung cho cả thế giới nữa. Trước đây gần 50 năm, ông Nhu cũng đã đề cập đến vấn đề này,

Không phải tình cờ mà ông Paul Reynaud, cựu Thủ Tướng Pháp trong cuộc viếng thăm nước Nga đã long trọng tuyên bố với Thủ Tướng Krutchev. “ Nếu các ông tiếp tục viển vông cho nước

Tàu, trong vài mốt năm nọ, môt tđ dân Trung Hoa sđ đê bđ p các ông và Âu Châu”. (Tr. 157)

Trong tháng 9. 2009 vđ a qua, nhà cđ m quyđ n Hà Nđ i, đđ cđ Tđ đ ng Phùng Quang Thanh, sang Tân Gia Ba đđ ký Hiđ p đđ c Hđ p Tác Quđ c Phòng, Tđ ng Bí Thđ Nông Đđ c Mđ nh đđ n Úc Châu, và Phó Thđ Tđ đ ng Phđ m Gia Khiêm đđ n Hoa Kđ , bí mđ t thđ o luđ n vđ vđ n đđ an ninh lãnh thđ , phđ i chđ ng là thái đđ nđ đ c đđ n chân mđ i nhđ y, nhđ hai phái đđ àn cđ a các vua chúa Triđ u Nguyđ n ngày xđ a, chúng ta thđ nghe ông Nhu biđ n giđ i:

Sau khi Trung Hoa bđ tđ n công, thì lúc bđ y giđ phđ n đ ng cđ a chúng ta là vđ i vđ giđ i hai phái bđ sang Pháp và Anh, mà không có mđ t sđ chuđ n bđ ngođ i giao nào cđ . Lđ i giđ i phái bđ nhđ vđ y là lđ i giđ i phái bđ sang Tàu xđ a nay. Và sđ giđ i hai phái bđ sang Pháp và Anh, theo lđ i giđ i phái bđ sang Tàu xđ a nay, lđ i càng làm cho chúng ta nhđ n thđ c, mđ t cách rõ rđ t hđ n nđ a, quan niđ m ngođ i giao cđ a chúng ta lúc bđ y giđ mang nđ ng ‘tâm lý thuđ c quđ c’ [đđ i vđ i Tàu], đđ n mđ c đđ nào.(tr. 181).

Lđ ra, các nhà lãnh đđ o Hà Nđ i phđ i tích cđ c hđ n, phđ i khôn khéo hđ n, nđ u không dám công khai, thì ít ra cũng phđ i bí mđ t, vđ n đđ ng giđ i truyđ n thông thđ giđ i, cđ nh báo và vđ n đđ ng đđ luđ n thđ giđ i, trđ đ c hđ t là các quđ c gia đ vùng Đông Nam Á Châu, rđ i đđ n Nga Sđ , Liên Hiđ p Âu Châu và các quđ c gia Á Phi biđ t vđ hiđ m hđ a xâm lăng cđ a Trung Cđ ng. Đđ u rõ ràng nhđ t hiđ n nay, là các quđ c gia trong vùng nhđ Úc, Tân Gia Ba, Thái Lan, Nam Duong9 và Mã Lai Á [5], đđ u gia tăng ngân sách cho tài niên 2009 vđ Không lđ c và Hđ i quđ n gđ p bđ i, nhđ m đđ i đđ u vđ i âm mđ u bành trđ đ ng cđ a Trung Cđ ng. Nghĩa là các quđ c gia này đđ u bđ t đđ u lo sđ vđ sđ lđ n mđ nh cđ a Trung Cđ ng, nhđ ng chđ a có mđ t vđ n đđ ng quđ c tđ nào nhđ m qui tđ nhđ ng nđ lđ c này thành cđ thđ và tích cđ c đđ ng đđ n sđ bành trđ đ ng đđ . Viđ t Nam là nđ n nhân trđ đ c hđ t và trđ c tiđ p cđ a nguy cđ này, phđ i biđ t đđ n hđ t nđ lđ c vđ mđ t trđ n ngođ i giao, phđ i vđ n đđ ng, công khai hođ c bí mđ t, tđ t cđ các quđ c gia trên thđ giđ i nhđ n thđ c sâu sđ c đđ đ c mđ i hiđ m hđ a nghiêm trđ ng này và khi tđ o đđ đ c sđ đđ ng thuđ n cđ a đđ sđ ... Viđ t Nam vđ n đđ ng đđ a vđ n đđ này ra Đđ i Hđ i Đđ ng Liên Hiđ p Quđ c, dù biđ t rđ ng hiđ n nay Trung Cđ ng là 1 trong 5 hđ i viên thđ đ ng trđ c cđ a Hđ i Đđ ng Bđ o An có quyđ n phđ quyđ t, mđ i nghđ quyđ t cđ a Đđ i Hđ i Đđ ng. Nhđ ng vđ n đđ chđ yđ u cđ a Viđ t Nam là chính thđ c công khai đđ a ra trđ đ c Liên Hiđ p quđ c mđ t hiđ m hđ a thđ c sđ nghiêm trđ ng cđ a toàn thđ giđ i, đđ kiđ m tìm mđ t hđ trđ quđ c tđ tích cđ c nhđ m ngđ n chđ n âm mđ u xâm lăng tđ Trung Cđ ng. Hđ n nđ a, Viđ t Nam cũng phđ i biđ t vđ n đđ ng và nđ lđ c đđ a vđ n đđ này ra trđ đ c Tòa Án Quđ c Tđ đ The Hague (International Court of Justice at The Hague). Mđ c đđ chđ không phđ i là tìm kiđ m mđ t phán quyđ t cđ a tòa án này cho vđ n đđ tranh chđ p, nhđ ng trđ ng đđ m cđ a nđ lđ c này là tđ o nên sđ chú tâm theo đđ i cđ a đđ luân quđ c tđ vđ mđ t hiđ m hđ a chung cđ a thđ giđ i

Chúng ta còn nhđ , khi muđ n lđ t đđ chinh quyđ n Ngô Đđ nh Đđ m, Nhóm chđ ng Tđ ng Thđ ng

Điễm trong Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã vận động các quố gia Á Phi đưa vận đò đò c báo chí Hoa Kỳ thò i đó gò i là Đản Ấp Phò t Giáo và Vi Phò m Nhân Quyò n tò i Viò t Nam, ra trò c Đò i Hò i Đò ng Liò p Quò c, chuò n bò dò luò n trò c c cò các quò gia Á Phi cho viò c thay đò i chính phò tò i miò n Nam, trò c khi âm mò u tò chò c đò o chánh ò Sài Gòn, đò khò i gây nên nhò ng ò nh hò ng tiêu cò c tò i các quò gia đó đò i vò i chính sách ngoò i giao cò a Mò . Nhò ng ông Nhu và Gs. Bò u Hò i[6] đã phá vò âm mò u này bò ng cách chính thò c mò i Liò p Quò c cò mò t phái đò n Viò t Nam đò u tra tò i chò , trò c khi đò a vò n đò này ra thò o luò n tò i Đò i Hò i Đò ng Liò p Quò c. Rò i khi phái đò n này đò n Viò t Nam đò u tra và hoàn thành mò t bò n phúc trình dày gò n 300 trang, vò i kò t luò n là không có đản áp Phò t Giáo tò i Viò t Nam, thì Bộ Ngoại Giao Hoa trò nên lúng túng, sò rò ng nò u đò a vò n đò này ra thò o luò n tò i Liò p Quò c sò làm giò m uy tín cò a Hoa kò và tò o cò hò i cho Trung Cò ng tò n công Hoa kò đã xen vào nò i bò cò a Viò t Nam và đã tò chò c đò o chánh ò Saigon, nên cò Cabot Lodge vào đò u tháng 12. 1963, liò c vò i Sir Senerat Gunaewardene cò a Tích Lan, là trò ng phái đò n đò u tra cò a Liò p Quò c lúc đó, đò ng đò a bò n phúc trình này ra thò o luò n tò i đò n đản Liò p Quò c nò a, và Sir Senerat đã đò ng ý làm đò u đó nhò mò t ân huò cá nhân cò a ông dành cho Lodge (Gunawardene agreed to do so as a personal favor to Lodge), vì trò c đây khi làm Đò i Sò Hoa kò tò i Liò p Quò c, Lodge là bò n cò a ông.[7]

Nhò vò y, chúng ta thò y đò i vò i mò t cò ng quò c nhò Hoa Kỳ , hò cò n biò t vò n đò ng Đò n Đản Liò p Quò c hò trò cho nhò ng mò c tiêu chính trò cò a hò . Tò i sao Viò t Nam đò ng trò c mò t hiò m hò a đò dò a sinh tò đò n vò n mò ng cò a cò dân tò c, chúng ta liò i không vò n đò ng đò tìm hò u thuò n cò a thò giò i đò bò o vò nò n đò c liò p cò a chúng ta ?

Nhò ng thò c tò , chúng ta rò t đau lòng, khi thò y, các nhà lãnh đò o Hà Nò i, vò phò ng đò n ngoò i giao, đã đánh mò t rò t nhiò u cò hò i liò ch sò quí báu, đò khò i phò c đò c liò p cho dân tò c và phát triò n quò gia. Đó là cò hò i cò a nhò ng năm 1945, 1954, 1973 và 1975. Thò c vò y, nò u ngày xò a các vua chúa Triò u Nguyò n, vì quá tin tò ng vào văn hóa Trung Hoa đã trò nên tò tôn và thiò n cò n, thì ngày nay các nhà lãnh đò o Hà Nò i cũng quá sùng bái chò đò Cò ng Sò n và quá tin tò ng vào lý luò n giai cò p đò u tranh, đã trò nên mù quáng, xem mò i ngò o đò u là kò thù, nên chò a bao giò hò có thò đò ra mò t chính sách ngoò i giao khoáng đò t và liò ng hò o, còn vò phò ng đò n quò c nò i hò cũng không có đò cò i mò , đò thò c tâm mò i nhò ng thành phò n khác biò t chính kiò n, thành liò p mò t chính phò đò n kò t đò phò t triò n quò gia. Trái liò i, hò chò có nhò ng thò đò n chính trò gian trá và xỏ quyò t đò liò a đò i đò i phò ng, đò rò i cuò i cùng là tiêu đò t đò i phò ng. Đò u này chò ng tò hò t sò c rõ rò t khi nhìn vò liò ch sò Viò t Nam Cò n và Hiò Đò i. Năm 1946, Cò ng Sò n dùng chiêu bài chính phò Liò p, đò tiêu đò t phe Quò c Gia, rò i năm 1954, ký hiò p đò nh Genevea, chò a ráo mò c, hò đã vi phạm hiò p đò nh này, bò ng cách gài liò i hò n 70,000 cán bò tò i miò n Nam vò i âm mò u khuynh đò o chính quyò n Quò c Gia Viò t Nam . Đò n năm 1973, mò t liò n nò a, hò đã liò a phò nh đò tiêu đò t phe quò gia đò o i chiêu bài mò i là Hòa Hò p và Hòa Giò i Dân tò c. Còn đò i vò i quò c tò , khi ký hiò p đò nh Paris , hò long trò ng cam kò t đò nhân dân Miò n Nam hoàn toàn tò do quyò t đò nh vò n mò ng cò a mình. Ngay sau đó, khi ngò o i Mò , theo đò ng cam kò t cò a hiò p đò nh này, rút khò i miò n Nam, thì hò đò m quân xỏ a sò chinh phò Sài Gòn...Vò i mò t nhò ng phò ng cách gò i là liò hiò p, hò p tác và mò t liò ch sò bang

giao đ̣y pḥn tṛc và gian trá nḥ v̄y, ai còn có tḥ tin t̄ng vào Hà N̄i đ̣ ḥp tác ḥu ngḥ. Do đó, t̄ ngày c̄p chính quȳn t̄i Hà N̄i vào tháng 8 năm 1945 đ̄n nay, các nhà lãnh đ̄o m̄n B̄c b̄ đ̄uôi mù b̄i lý thuȳt Mác-Lênin và Mao Trạch Đông, theo đ̄u i m̄t ch̄ đ̄ đ̄c tài phi nhân, tàn sát và th̄ tiêu các thành ph̄n b̄t đ̄ng chính kīn, đ̄y đ̄a toàn dân trong c̄nh nghèo đói, th̄t h̄c, thù h̄n và b̄n gīt l̄n nhau. Còn v̄ ph̄ng diên qūc t̄, vì thīu hīu bīt và ch̄ bīt quȳn l̄i c̄a phe nhóm, nên h̄ đã liên k̄t v̄i Trung C̄ng và Liên Xô, đ̄ đ̄a toàn th̄ dân t̄c vào m̄t cūc chīn tranh kéo dài h̄n 30 năm. Đó là m̄t cūc chīn tranh lâu dài và kh̄c līt nh̄t trong lịch s̄ nhân lōi. Th̄c v̄y, lâu dài nh̄t vì cūc Th̄ Chīn I, ch̄ có 4 năm, t̄ 1914-1918, Th̄ Chīn 2, ch̄ có 6 năm, t̄ 1939-1945, và kh̄c līt nh̄t, vì s̄ bom đ̄n đ̄ đ̄c s̄ đ̄ng trong chīn tr̄ng Vīt Nam ḡp 2.5 s̄ bom đ̄n dùng trong Th̄ Chīn 2. Nh̄ng đ̄i u t̄ h̄i h̄n n̄a, khi nh̄n vīn tr̄ t̄ Trung C̄ng đ̄ đánh M̄ cũng là lúc h̄ đã th̄c s̄ r̄ c̄ h̄a xâm lăng t̄ ph̄ng B̄c vào Vīt Nam .

Đ̄i v̄i nh̄ng nhà lãnh đ̄o có m̄t não tr̄ng b̄nh hōn nh̄ v̄y làm sao có đ̄ đ̄c m̄t vīn kīn chính trị sâu s̄c, m̄t chính sách ngōi giao khoáng đ̄t và bīt khai thác nh̄ng mâu thūn qūc t̄ đ̄ kīm tìm nh̄ng đ̄ng minh h̄u hīu, đ̄ r̄i cùng v̄i s̄ h̄ tr̄ tích c̄c c̄a toàn dân trong n̄c, nh̄m t̄o thành m̄t s̄c m̄nh dũng mãnh đ̄ ch̄ng l̄i hīm h̄a xâm lăng c̄a Trung C̄ng

Bīn Pháp Quân S̄

Hīn nay, Vīt Nam có m̄t đ̄i quân khōng 450,000 nḡng i. Đây là m̄t l̄c l̄ng quân s̄ l̄n nh̄t so v̄i các qūc gia t̄i Đông Nam Á hīn nay. Nh̄ng v̄n đ̄ đ̄t ra līu quân nhân đ̄ đ̄i c̄ còn có tinh th̄n đ̄ hy sinh và ch̄p nh̄n gian kh̄ đ̄ chīn đ̄u u n̄a hay không? Khi chính h̄ ch̄ng kīn nh̄ng th̄c tr̄ng xã h̄i quá ph̄ phàng tr̄ng m̄t, trong khi các lãnh t̄ c̄a h̄ tìm m̄i cách đ̄ v̄ vét tài s̄n qūc gia cho cá nhân, gia đình và phe nhóm, còn tuȳt đ̄i đa s̄ dân chúng, trong đó có c̄ các gia đình b̄ đ̄i C̄ng S̄n, b̄ bóc l̄t, s̄ng trong c̄nh kh̄n cùng nh̄t, ch̄a t̄ng th̄y trong l̄ch s̄ c̄n đ̄i Vīt Nam, t̄ tr̄ng c̄ t̄i nay, nghĩa là còn c̄ c̄c h̄n th̄i Th̄c Dân Pháp đ̄ h̄ đ̄t n̄c chúng ta. Nh̄ng sau h̄t và m̄u ch̄t h̄n h̄t, v̄n là v̄n đ̄ các nhà lãnh đ̄o Hà N̄i có còn ý chí đ̄ chīn đ̄u nh̄m b̄o v̄ t̄ qūc ch̄ng l̄i h̄a ngōi xâm n̄a hay không? Chúng ta h̄i bi quan, khi nghe l̄i bình lūn c̄a Carl Thayer, m̄t chuyên gia v̄ các v̄n đ̄ Vīt Nam , t̄i H̄c Vīn Qūc Phòng Hoàng Gia Dantoon c̄a Úc. có l̄ bày gī các nhà lãnh đ̄o Hà N̄i đã tr̄ nên quá giàu có, h̄ mūn đ̄ đ̄c yên thân đ̄ b̄o v̄ tài s̄n và gia đình c̄a h̄ h̄n.. cho nên vīc m̄t thêm m̄t vài h̄i đ̄o xa xôi nh̄ Hoàng Sa và Tr̄ng Sa, m̄t thêm m̄t ít lãnh th̄ và lãnh h̄i ī phía B̄c không còn là v̄n đ̄ quan tr̄ng v̄i h̄ n̄a !

Bīn Pháp Chính Tr̄

Đó là nuôi dưỡng tinh thần đức lập, đức công, đức chí cùng ý thức quốc gia và dân tộc. Ông Nhu đã biến đổi vận mệnh này như sau:

Tuy nhiên biến pháp cần thiết nhất, hữu hiệu nhất và hoàn toàn thực chứng của chúng ta, là nuôi dưỡng tinh thần đức lập và đức do của nhân dân, và phát huy ý thức quốc gia và dân tộc. Đứng đầu, áp dụng một chính sách cải tạo khoáng đạt, mở rộng khuôn khổ lãnh đạo, để cho vận mệnh lãnh đạo quốc gia được chuyển giao cho người thực thụ.

Và sau cùng ông Nhu đã đi đến kết luận, muốn thực hiện hòa xâm lăng của Trung Cộng một chính thức chuyên chế hay độc tài như Hà Nội hiện nay, không thể nào thành công được.

Trong khi đó, chúng ta đều biết rằng hiện nay thế giới đang chứng kiến những thay đổi khốc liệt nhất, độc biến là trong lĩnh vực tin học và khoa học kỹ thuật, còn trong lĩnh vực chính trị ngoại giao, như Tổng Thống Obama, cũng kêu gọi, một số hiệp tác và hòa giải giữa các quốc gia, để đẩy lùi bóng tối của chiến tranh và nghèo đói, nhằm kiến tạo một thế giới hòa bình, hợp tác, hòa bình và thịnh vượng cho toàn thế giới, thì các nhà lãnh đạo của Hà Nội và những người nguyên bản chủ nghĩa Cộng Sản là độc quyền lãnh đạo, độc tài toàn trị và để củng cố chính quyền chuyên chế, họ thực hiện tay đàn áp đối lập, các giáo hội tôn giáo chân chính, áp dụng chính sách đẩy đưa người dân trong cảnh nghèo đói, chết đói và thất học... để trong nước không còn ai có thể chứng kiến tội ác được.

Với những hiểm họa mà nêu ra trên đây, chúng ta đều thấy rõ ràng, nếu dân tộc chúng ta không còn có may mắn thay đổi thành phần lãnh đạo tại Bắc Bộ Phủ, thì vận mệnh Việt Nam nói chung và Tàu chài nói riêng còn là vận mệnh thế gian.

Tiến Sĩ Phạm Văn Lưu

Melbourne, 1. 11. 2009

[1] Linh Muc De Jaegher, Cuộc vận thân của chúng ta Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Tổng Thống

Tổng Ng Giỏi Thạch, đàm luận với tác giả tại Sài Gòn vào 6. 1966.

[2] . Sách được xuất bản mang tên Tùng Phong, Chính Đệ Việt Nam , Saigon-Việt Nam , 2009

[3] Xin xem các diễn văn này trong La Voix de la Juste Cause, Recueils Des Principaux Discours et Meessages du President Ngo Dinh Diem, June 1954 – Juillet 1963, Saigon, Service de la Press de la Presidence de la Republique du Vietnam, 1963. Các diễn văn này thường được ông Phạm Đình Khiêm dịch ra Việt ngữ và Gs. Tôn Thất Thiển ra Anh ngữ .

[4] Có lẽ vì đánh máy sai, nên trong bản in là vĩ tuyến 17, thực tế là vĩ tuyến 16, chú thích của người viết.

[5] Nước Úc trong bản ngân sách 2009-2010, đã gia tăng hơn 6.6.tỷ đô (từ 19.8 tỷ lên 26.4 tỷ), đồng gia tăng khả năng không lực và hải quân nhằm bảo vệ lãnh thổ . Điều này khiến chính quyền Nam Dương phải quan ngại, sau đó chính phủ Úc đã phải lên tiếng trấn an.

Còn Thái Lan trong bản ngân sách 2008, ngân sách dành cho Bộ Quốc Phòng đã tăng lên tới 4.5 tỷ US dollars, đã quan ngại cả Nam Dương và Mã Lai về chi phí quốc phòng.

Tân Gia Ba trong bản ngân sách 2009, họ cũng đã dành đến 34% cho ngân sách quốc phòng. Nhưng từ lâu Tân Gia Ba, có lẽ, đã thấy rõ các hiểm họa xâm lăng của Trung Quốc, nên họ đã có những thỏa hiệp liên kết quân sự với Hoa Kỳ từ năm 1990 với thỏa hiệp MOU và đến 2005 họ đã ký hiệp ước Hợp Tác Quân Sự với Hoa Kỳ . Nam Dương đã đổ chi phí quốc phòng vào hàng ưu tiên thứ 3 trong bản ngân sách 2008 với ngân khoản là 3.3 tỷ US dollars.

Còn Mã Lai, mục tiêu của ngân sách 2008, dành ưu tiên cho phúc lợi toàn dân, nên chi phí quốc phòng phải bị cắt giảm nhiều, những riêng chi phí dành cho Không Lực Mã Lai, không bị cắt giảm mà lại còn được gia tăng từ 1,482 tỷ Mã kim lên đến 1,613 tỷ Mã kim đồng gia tăng khả năng phòng thủ quốc gia.

[6] Giáo sư Bửu Hội là một phật tử và thân mẫu của giáo sư là Sĩ Cô Diêu Huệ, lúc đó Giáo sư được Tổng Thống Diệm cử làm trưởng phái đoàn đại biểu tại Liên Hiệp Quốc tháng 9. 1963, được trách vụ cuộc Khủng Hoảng Phật Giáo.

[7] Theo sự tiết lộ của Bà Swarna L. Ganawardene, con gái của Sir Senerat, trong thư gửi cho Bà Anne Blair, (một đồng nghiệp của người viết tại Đại Học Monash ở đây), vào tháng 11. 1989. Và cũng có thể xem thêm Điện văn số 2444 từ Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ gửi cho Tòa Đại Sứ Mỹ Saigon, ngày 11. 12. 1963 dưới tiêu đề Gunawardene's killing the debate. xem Anne Blair, Lodge in Vietnam, A Patriot Abroad, New Haven, Yale university Press, 1995, tr. 78.